ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 69 /2026/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về thành lập, cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân tại xã, phường, đặc khu (nơi có đê) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 60/2020/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 60/2020/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 200/2025/NĐ-CP và Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2009/TT-BNN của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều trong mùa lũ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT và Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BNN của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT và Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 92/2009/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân được huy động hoặc tự nguyện tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 16082/TTr-SNNMT-CCTL ngày 29 tháng 5 năm 2026, Báo cáo thẩm định số 4416/BC-STP ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định quy định về thành lập, cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân tại xã, phường, đặc khu (nơi có đê) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về thành lập, cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân tại xã, phường, đặc khu (nơi có đê) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu (nơi có đê) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Thành lập lực lượng quản lý đê nhân dân

Thành lập lực lượng quản lý đê nhân dân tại xã, phường, đặc khu (nơi có đê) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, không thuộc biên chế nhà nước.

Điều 3. Tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân

1. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (nơi có đê) chịu trách nhiệm tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân và xác định số lượng cụ thể của lực lượng quản lý đê nhân dân thuộc địa bàn quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều này, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương để làm nhiệm vụ quản lý và tuần tra, canh gác bảo vệ và tham gia hộ đê khi có cảnh báo mưa, bão, triều cường, xả lũ, sự cố sạt lở bờ sông, kênh, rạch, bờ biển.

2. Lực lượng quản lý đê nhân dân được tổ chức thành các Đội quản lý đê nhân dân; căn cứ vào số km đê trên địa bàn từng xã, phường, đặc khu và tính chất xung yếu của đê quy định mỗi nhân viên quản lý đê nhân dân đảm trách không quá 03 km đê nhưng không dưới 01 km đê. Tùy theo số lượng nhân viên quản lý đê nhân dân, Đội quản lý đê nhân dân có thể có 01 Đội trưởng và 01 Đội phó hoặc chỉ có 01 Đội trưởng và nhân viên, quy định như sau:

a) Nếu số lượng nhân viên của Đội quản lý đê nhân dân từ 05 người trở lên thì Đội phân công 01 Đội trưởng, 01 Đội phó;

b) Nếu số lượng nhân viên của Đội quản lý đê nhân dân từ 04 người trở xuống nhưng không dưới 02 người thì Đội phân công 01 Đội trưởng.

3. Lực lượng quản lý đê nhân dân hoạt động dưới sự quản lý và điều hành trực tiếp của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu hướng dẫn hoạt động và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng này; kiện toàn lại tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân nếu có sự thay đổi về nhân sự.

4. Việc tuyển dụng nhân viên quản lý đê nhân dân do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định thông qua hợp đồng lao động. Tiêu chuẩn của các thành viên Đội quản lý đê nhân dân là có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ, có tinh thần trách nhiệm, am hiểu địa bàn, biết bơi và có khả năng, kinh nghiệm làm việc trong môi trường sông nước.

Điều 4. Hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân

Lực lượng quản lý đê nhân dân thực hiện nhiệm vụ quản lý và tuần tra, canh gác bảo vệ và tham gia hộ đê khi có cảnh báo mưa, bão, triều cường, xả lũ, sự cố sạt lở bờ sông, kênh, rạch, bờ biển theo quy định tại Thông tư số 01/2009/TT-BNN của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều trong mùa lũ (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT và Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT); Thông tư số 26/2009/TT-BNN của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT và Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT).

Điều 5. Chi trả thù lao và trang bị bảo hộ lao động, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện làm việc cho nhân viên quản lý đê nhân dân

Nhân viên quản lý đê nhân dân được chi trả thù lao và trang bị bảo hộ lao động, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện làm việc theo quy định.

Điều 6. Mức thù lao cho lực lượng quản lý đê nhân dân

Mức thù lao khoán và các chế độ, chính sách cho người được giao nhiệm vụ quản lý đê được quy định như sau:

1. Mức thù lao cụ thể hàng tháng cho mỗi nhân viên quản lý đê nhân dân được tính bằng mức lương cơ sở nhân với hệ số lương 1,65.

2. Phụ cấp trách nhiệm hàng tháng: Đội trưởng được hưởng thêm mức thù lao trách nhiệm được tính bằng hệ số trách nhiệm 0,2 nhân với mức lương cơ sở và Đội phó được hưởng thêm mức thù lao trách nhiệm được tính bằng hệ số trách nhiệm 0,1 nhân với mức lương cơ sở.

3. Các chế độ, chính sách khác: nhân viên quản lý đê nhân dân được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định tại Thông tư số 92/2009/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong trường hợp bị thương, bị nạn khi làm nhiệm vụ và chế độ bồi dưỡng thêm khi tham gia khắc phục các sự cố thiên tai.

Điều 7. Nguồn kinh phí chi trả thù lao cho lực lượng quản lý đê nhân dân

Nguồn kinh phí để chi trả thù lao, trang bị bảo hộ lao động và mua sắm trang bị dụng cụ, phương tiện làm việc của lực lượng quản lý đê nhân dân sử dụng từ nguồn ngân sách xã, phường, đặc khu và Quỹ Phòng, chống thiên tai được trích giữ lại của địa phương.

Trong trường hợp mức thù lao cho lực lượng quản lý đê nhân dân chưa phù hợp với tình hình thực tế, kinh phí chi trả cho hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân gặp khó khăn, vướng mắc; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

(nơi có đê) báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết.

Điều 8. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (nơi có đê)

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân.

2. Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, thanh toán kinh phí thù lao và thực hiện các chế độ, chính sách đối với nhân viên quản lý đê nhân dân theo quy định.

Điều 9. Tập huấn, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (nơi có đê) tổ chức tập huấn, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ về quản lý, tuần tra, canh gác bảo vệ đê và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

2. Bãi bỏ Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập và ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân tại phường-xã-thị trấn (nơi có đê) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh mức thù lao cho Lực lượng quản lý đê nhân dân tại phường-xã-thị trấn (nơi có đê) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

Nơi nhận:
- Như Điều 11;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- UBMTTQ Việt Nam Thành phố;
- BTV Đảng ủy UBND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Cục QLĐĐ và PCTT;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Trung tâm TTĐT Thành phố (đăng tải);
- Các Phòng NCTH;
- Lưu: VT, (ĐT/NĐD).